

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST

Ngày: 16-4-2019

V/v tranh chấp “hợp đồng  
vay tài sản; Hợp đồng góp  
hụi”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Thanh Phương**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Châu Vũ Bình**

Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đỗ Thanh Phong**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:**  
Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị Thu V**, sinh năm 1965; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú L, xã K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Dương Quí Đ**, sinh năm 1970; (có đơn xin vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Th**, sinh năm 1976; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Phú B, xã K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

+ Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (bổ sung) nguyên đơn bà **Trịnh Thị Thu V** trình bày: Vào các ngày 10-10-2014 và 30-10-2014 âm lịch vợ chồng bà **Th ông Đ** có mượn 230.000.000 đồng, ngày 01-11-2014 âm lịch mượn tiếp 40.000.000 đồng, đến ngày 10-12-2014 âm lịch mượn 200.000.000 đồng bà **Th**

có gởi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Đ bà Th đứng tên và hẹn 02 tháng trả. Tổng cộng các khoản nợ là 470.000.000 đồng.

Ngoài ra bị đơn còn chơi 06 dây hụi 5.000.000 đồng do bà V làm chủ hụi, đến nay bà Th, ông Đ còn nợ tiền hụi tổng cộng 375.000.000 đồng.

Nay bà V yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th, ông Dương Quý Đ phải trả tổng số tiền 845.000.000 đồng. Bà V tự nguyện trả lại cho vợ chồng bà Th, ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bị đơn trả tiền.

+ Tại biên bản hòa giải ngày 26-3-2019 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Th trình bày: Thống nhất còn nợ bà V tổng số tiền 845.000.000 đồng, nay đồng ý cùng với ông Đ trả số nợ trên cho bà V nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, do hoàn cảnh hiện nay khó khăn không có khả năng trả một lần.

+ Tại bản tự khai ngày 14-6-2018 ông Dương Quý Đ trình bày: Ông không có vay mượn, chơi hụi của bà V. Do đó giữa ông và bà V không có dính líu gì về hợp đồng vay mượn, cầm cố, hụi và bất cứ khoản tiền nào.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Trịnh Thị Thu V vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Th, ông Dương Quý Đ phải trả tổng số tiền 845.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc Th hoàn trả chi phí giám định chữ viết, chữ ký với số tiền 5.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th đồng ý trả số nợ 845.000.000 đồng cho bà V nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, do hoàn cảnh hiện nay khó khăn không có khả năng trả một lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn yêu cầu anh Đ liên đới cùng chị Th trả số nợ 845.000.000 đồng là chưa có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Th phải trả tiền vay và hụi với số tiền 845.000.000 đồng cho bà V. Nguyên đơn có yêu cầu hoàn trả chi phí giám định, do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Th hoàn trả tiền chi phí giám định 5.000.000 đồng cho bà V.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Xét quan hệ pháp luật giữa các bên thuộc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”. Các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo.

Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[2] Bị đơn ông Dương Quý Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Đức.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà V khởi kiện yêu cầu bà Th, ông Đ phải trả số tiền nợ vay vàhui tổng cộng 845.000.000 đồng trên cơ sở các biên nhận nguyên đơn cung cấp cho Tòa án (từ bút lục 17 đến bút lục 34). Tại biên bản hòa giải ngày 26-3-2019 bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Th thừa nhận còn nợ bà V số tiền 845.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết nợ, do điều kiện kinh tế khó khăn. Xét ý kiến xin trả dần của chị Th không được bà V chấp nhận, không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ông Đ không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà V vì ông không có liên quan đến nợ vay, nợ hui của bà V. Việc vay mượn do Th một mình thực hiện ông không biết. Xét ý kiến của ông Đ là có cơ sở bởi lẽ trong các biên nhận nợ không có chữ ký, chữ viết của ông Đ, các biên nhận chỉ thể hiện giao hui cho Th vợ Đ chỉ có Th ký tên; còn đối với các biên nhận mượn tiền cũng thể hiện cá nhân Th nhận nợ ký tên. Nguyên đơn không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu buộc ông Đ có trách nhiệm liên đới trả nợ, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Dương Quý Đ năm 2009 do bà Th tự ý lấy đưa (gởi- không có mục đích) cho bà V không có sự đồng ý của ông Đ. Sau đó bà Th nói bị mất nên ông Đ đã làm đơn yêu cầu cấp lại, hiện phần đất nêu trên đã chuyển nhượng cho người khác. Nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà V đang giữ không còn giá trị pháp lý, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét xử lý.

Bà V yêu cầu chị Th hoàn trả chi phí giám định chữ viết, chữ ký với số tiền 5.000.000 đồng. Xét yêu cầu trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 161, Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cần buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải trả cho bà Trịnh Thị Thu V số tiền nợ vay và hui tổng cộng 845.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là phù hợp với quá trình giải quyết vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 161, Điều 162, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 474, Điều 476, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Thị Thu V.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải trả cho bà Trịnh Thị Thu V số 845.000.000 (tám trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th có trách nhiệm hoàn trả chi phí giám định cho bà Trịnh Thị Thu V với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Th chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Th phải chịu 37.500.000 (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn 19.130.250 (mười chín triệu một trăm ba mươi nghìn hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 36486 ngày 16-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà V, bà Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Đ có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Phương**